

Số: 14/2026/QĐCNTTLH

Hà Tĩnh, ngày 26 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ
SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN

Căn cứ Điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của người khởi kiện chị Võ Thị T và người bị kiện anh Võ Công B.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 01 năm 2026 về việc yêu cầu “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” của chị Võ Thị T.

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 09 tháng 01 năm 2026 về thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

+ *Người khởi kiện:* Chị Võ Thị T; sinh ngày: 24/07/1997; Căn cước công dân số: 042197011180, cấp ngày 10/08/2021, do Cục C về TTXH cấp; Địa chỉ cư trú: Thôn Đ, xã K, tỉnh Hà Tĩnh.

+ *Người bị kiện:* Anh Võ Công B; sinh ngày: 15/06/1997; Căn cước công dân số: 042097002734, cấp ngày 26/08/2023, do Cục C về TTXH cấp; Địa chỉ cư trú: Thôn K, xã K, tỉnh Hà Tĩnh.

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án như sau: Đơn khởi kiện về việc ly hôn (01 trang – Bản gốc); Giấy chứng nhận kết hôn (01 trang – Bản gốc); CCCD người khởi kiện và người bị kiện (02 trang – Chứng thực bản sao đúng với bản chính); xác nhận thông tin nơi cư trú người khởi kiện và người bị kiện (02 trang – Bản gốc); Giấy khai sinh con chung (01 trang – Bản sao); biên bản ghi nhận ý kiến của các đương sự lựa chọn hòa giải và hòa giải viên (01 trang – Bản gốc); bản tự khai của người khởi kiện, người bị kiện (04 trang – Bản gốc); biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 09/01/2026 (01 trang - Bản gốc).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 09 tháng 01 năm 2026 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 09 tháng 01 năm 2026, cụ thể như sau:

1.1. Về hôn nhân: Chị Võ Thị T và anh Võ Công B thuận tình ly hôn.

1.2. Về con cái: Chị Võ Thị T và anh Võ Công B thống nhất giao con chung là Võ Thị Thanh T1, sinh ngày 30 tháng 09 năm 2025 cho chị Võ Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Các đương sự thỏa thuận, anh Võ Công B cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Võ Thị T với số tiền mỗi tháng là 3.000.000đ (Ba triệu đồng); thời gian, hình thức cấp dưỡng: Cấp dưỡng vào ngày 26 hàng tháng, kể từ ngày 26/02/2026 cho đến khi cháu Võ Thị Thanh T1 đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không được ai ngăn cấm cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại Khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện đúng nghĩa vụ cấp dưỡng thì phải chịu số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, **7a** và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Võ Thị T và anh Võ Công B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND khu vực 2 – Hà Tĩnh;
- THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã Kỳ Xuân, tỉnh Hà Tĩnh;
- Chị Võ Thị Thương;
- Anh Võ Công Bình;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ việc.

THẨM PHÁN

Nguyễn Ngọc Thạch